

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ H**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 654/2022/DS-PT

Ngày: 07/11/2022

V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H**

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thủy

Các Thẩm phán:

1/ Bà Phạm Thị Thảo

2/ Bà Lê Thị Anh Minh

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Duyên - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố H tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Văn Hiếu - Kiểm Sát viên.

Ngày 07 tháng 11 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố H đã xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 312/2022/DS-PT ngày 04 tháng 10 năm 2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 407/2022/DS-ST ngày 29 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện H, Thành phố H bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 5219/2022/QĐ-PT ngày 17 tháng 10 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Vũ Đặng Ngọc H**, sinh năm 1984. Địa chỉ: Số 36B, Khu phố 1A, phường T, Quận M, Thành phố H (có mặt).

2. *Bị đơn:* Bà **Bùi Thị C**, sinh năm 1971. Địa chỉ: Số 16/9K, ấp H, xã B, huyện H, Thành phố H (có mặt).

3. *Người làm chứng:* Ông **Trần Huy H**, sinh năm 1971. Địa chỉ: Số 31/2, ấp T, xã T, huyện H, Thành phố H (có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải, nguyên đơn - bà Vũ Đặng Ngọc H trình bày:

Ngày 01/6/2019 bà có cho bà Bùi Thị C vay số tiền 200.000.000 đồng, hẹn sau 02 năm trả. Ngày 01/12/2019, bà tiếp tục cho bà C vay số tiền 200.000.000 đồng, hẹn sau 02 năm trả, cả hai lần đều làm giấy mượn tiền. Tổng

cộng bà đã cho bà C vay số tiền 400.000.000 đồng, hiện nay các khoản nợ đều đã đến hạn nhưng bà C không trả tiền cho bà. Do đó, bà khởi kiện yêu cầu bà C phải trả cho bà: Tiền nợ gốc 400.000.000 đồng, tiền lãi tạm tính đến 01/01/2022 theo mức lãi suất 10%/năm là 13.280.000 đồng (trong đó lãi giấy vay ngày 01/6/2019 là 11.620.000 đồng, lãi giấy vay ngày 01/12/2019 là 1.660.000 đồng). Tổng cộng tạm tính đến 01/01/2022 bà C phải trả 413.280.000 đồng, bà yêu cầu bà C trả một lần, ngay khi án có hiệu lực.

Về lãi suất, trong giấy vay nợ không ghi lãi suất nhưng hai bên có thỏa thuận miệng là 1%/tháng, từ lúc vay đến khi hết hạn vay, sau nhiều lần yêu cầu thì bà C chỉ trả được 35.000.000 đồng tiền lãi, đối với số tiền lãi trong hạn còn lại, bà không yêu cầu bà C trả. Trong quá trình giải quyết vụ án, bà H đề nghị Tòa án buộc bà C trả lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả theo quy định của pháp luật.

Theo nội dung tại bản tự khai, biên bản hòa giải, bị đơn bà Bùi Thị C trình bày:

Bà xác nhận có ký tên trên 02 giấy mượn tiền đề ngày 01/6/2019 và ngày 01/12/2019, nhưng hai giấy vay này lập trong cùng một ngày là ngày 01/12/2019, số tiền bà nhận thực tế không phải 400.000.000 đồng.

Bà xác nhận hai bên có thỏa thuận lãi suất, tuy nhiên không ghi mức lãi suất vào giấy mượn tiền, có khi bà H lấy mức lãi suất 5%/tháng, có khi lấy mức lãi suất 8%/tháng, 10%/tháng. Bà trả lãi đều đặn, nhưng khi trả do tin tưởng không làm giấy ký nhận, chỉ có một giấy bà H ký nhận ngày 16/10/2020, nhận 20.000.000 đồng và một giấy do ông Trần Huy H ký nhận thay bà H, nhận 15.000.000 đồng ngày 10/02/2021. Bà H cho vay với lãi suất rất cao, bà cũng đã cố gắng trả nợ nhưng do tình hình kinh tế khó khăn nên không trả được nợ cho bà H. Sau khi tự đối chiếu, bà chỉ xác nhận hiện nay còn nợ số tiền 365.000.000 đồng, đề nghị bà H xem xét hoàn cảnh khó khăn của gia đình bà để bà được trả dần số tiền này, mỗi tháng bà sẽ trả 3.000.000 đồng. Đối với yêu cầu trả lãi của bà H, bà không đồng ý.

Theo nội dung tại bản tự khai, người làm chứng ông Trần Huy H trình bày:

Ông xác nhận là người ký tên trên giấy nhận tiền ngày 10/02/2021, ông nhận số tiền 15.000.000 đồng từ bà C để đưa lại cho bà H, ông không biết việc vay mượn tiền giữa bà H và bà C, cũng không biết số tiền này là tiền gì, ông không có liên quan trong vụ án nên đề nghị tòa án cho ông được vắng mặt tại các buổi làm việc, xét xử của tòa.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Nguyên đơn bà Vũ Đặng Ngọc H trình bày: Bà giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Trường hợp bà C không đồng ý thì tại phiên tòa hôm nay bà yêu cầu bà C thanh toán nợ gốc và tiền lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả với mức lãi suất là 10%/năm cho đến khi thi hành xong bản án.

Bị đơn bà Bùi Thị C trình bày: Số tiền 35.000.000 đồng đã trả nay bà xác định lại là tiền nợ gốc, không phải tiền lãi. Bà đề nghị được trả dần số tiền còn nợ, mỗi tháng trả tối đa 5.000.000 đồng.

Tại Bản án sơ thẩm số 407/DSST ngày 29/6/2022 của Tòa án nhân dân huyện H đã tuyên:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn bà Vũ Đặng Ngọc H.

Buộc bà Bùi Thị C trả cho bà Vũ Đặng Ngọc H số tiền nợ gốc 400.000.000đ (bốn trăm triệu đồng) và tiền lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả là 33.111.110đ (ba mươi ba triệu một trăm mười một nghìn một trăm mười đồng), tổng cộng là 433.111.110đ (bốn trăm ba mươi ba triệu một trăm mười một nghìn một trăm mười đồng), theo giấy mượn tiền ngày 01/6/2019 và giấy mượn tiền ngày 01/12/2019 giữa bà Vũ Đặng Ngọc H với bà Bùi Thị C.

Phương thức và thời hạn thanh toán: Thanh toán một lần toàn bộ số tiền trên ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất 10%/năm.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí các chi phí tố tụng khác và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 12/7/2022, bà C có đơn kháng cáo cho rằng số tiền mà bà C đã thanh toán cho bà H là tiền nợ gốc không phải tiền lãi nhưng Tòa cấp sơ thẩm lại xác định số tiền trên là trả lãi và chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là không đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của bà C. Vì vậy, kháng cáo đề nghị Tòa cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn xác định số tiền 35.000.00 đồng mà bà C đã trả là tiền nợ gốc nay bà C chỉ phải trả cho bà H 365.000.000 đồng và cho bà C được trả dần số nợ trên mỗi tháng 5.000.000 đồng cho đến khi trả hết nợ.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị đơn bà Bùi Thị C vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Nguyên đơn bà Vũ Đặng Ngọc H đề nghị Tòa không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà C, đề nghị Tòa giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện H, bà đồng ý cho bà C trả nợ trong thời hạn 02 tháng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố H phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Tòa án cấp phúc thẩm đã thực hiện đúng các quy định pháp luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý đến khi xét xử. Tại phiên tòa phúc thẩm cho đến trước khi nghị án, Hội đồng xét xử phúc thẩm đã tiến hành phiên tòa đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; các đương sự trong vụ án đã chấp hành đúng quy định pháp luật về quyền và nghĩa vụ của mình.

+ Về nội dung: Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn bà Vũ Đăng Ngọc H xác nhận số tiền 35.000.000 đồng mà bị đơn bà Bùi Thị C đã trả là tiền nợ gốc, do đó đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn, sửa bản án sơ thẩm theo hướng buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn 365.000.000 đồng tiền nợ gốc và tiền lãi phát sinh, ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn cho bị đơn trả khoản nợ trên trong thời hạn 02 tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố H phát biểu quan điểm, sau khi nghị án, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Đơn kháng cáo của nguyên đơn bà Bùi Thị C còn trong hạn theo qui định tại Điều 273 và Điều 276 Bộ luật Tố tụng dân sự nên kháng cáo là hợp lệ và được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về yêu cầu kháng cáo của bị đơn cho rằng, số tiền 35.000.000 đồng đã trả cho nguyên đơn là trả tiền nợ gốc không phải tiền trả lãi nhưng Tòa cấp sơ thẩm không xem xét mà nhận định cho rằng đó là tiền trả lãi vay trong hạn và chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là không đúng.

Xét thấy,

Tại phiên tòa phúc thẩm phía nguyên đơn bà H cũng thừa nhận số tiền mà bà C đã trả 35.000.000 đồng sau khi vay là nợ gốc. Vì vậy, Hội đồng xét xử có căn cứ để chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bà C, cần phải sửa án sơ thẩm, cụ thể buộc bà C phải trả cho bà H số tiền nợ gốc còn thiếu là 365.000.000 đồng và sửa lại phần tiền lãi cho phù hợp với số nợ gốc này. Đối với các yêu cầu kháng cáo đề nghị không tính lãi và xin được trả dần mỗi tháng 5.000.000 đồng không được chấp nhận, vì căn cứ vào các giấy mượn tiền các bên đều thỏa thuận có thời hạn là hai năm nhưng đến nay đã quá hạn, mà lỗi vi phạm hợp đồng là do bà C vẫn không hoàn trả bất kỳ một khoản tiền nợ nào cho bà H, để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà H. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà H có yêu cầu để tạo điều kiện thuận lợi cho bà C, bà H cũng tự nguyện cho bà C trả số nợ trên trong thời hạn 02 tháng, Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện này của nguyên đơn.

Xét thấy, Tòa cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm khi tuyên buộc bà C phải thanh toán một lần toàn bộ số tiền trên ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật và Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền là không đúng theo quy định tại Điều 6 và Điều 7 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Từ những căn cứ phân tích nêu trên, xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố H phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử. Vì vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận một phần kháng cáo của bà C, sửa bản án dân sự sơ

thẩm của Tòa án nhân dân huyện H cụ thể: Buộc bà C phải trả cho bà H số tiền nợ gốc 365.000.000 đồng và số tiền lãi trên Giấy nợ ngày 01/6/2019 tính đến ngày 01/6/2021 là 200.000.000 đồng - 35.000.000 đồng = 165.000.000 đồng x 10%/năm x 12 tháng 28 ngày = 17.765.753 đồng và số tiền lãi trên Giấy nợ ngày 01/12/2019 tính đến ngày 02/6/2021 là 200.000.000 đồng x 10%/năm x 06 tháng 28 ngày = 11.534.246 đồng.

Tổng cộng bà C phải trả cho bà H là 394.299.999 đồng (Ba trăm chín mươi bốn triệu, hai trăm chín mươi chín ngàn, chín trăm chín mươi chín đồng)

Về án phí dân sự sơ thẩm cũng cần phải sửa lại cho phù hợp với số tiền thực tế mà bà C phải trả cho bà H là 19.715.000 đồng

[3] Án phí dân sự phúc thẩm:

Do yêu cầu kháng cáo của bị đơn được chấp nhận nên bà C không phải chịu án phí phúc thẩm. Hoàn lại bà C số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã đóng theo Biên lai thu số AA/2021/0039841 ngày 13/7/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện H lập.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b Khoản 1 Điều 38, Điều 148, Khoản 1 Điều 227, Khoản 1 Điều 228, Điều 298, Khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2014).

1/ Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn bà Bùi Thị C.

2/ Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 407/2022/DS-ST ngày 29 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện H, Thành phố H.

2.1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn bà Vũ Đặng Ngọc H.

Buộc bà Bùi Thị C trả cho bà Vũ Đặng Ngọc H số tiền nợ gốc 365.000.000đ và tiền lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả là 29.299.999 đồng. Tổng cộng bà C phải trả cho bà H là 394.299.999 đồng (Ba trăm chín mươi bốn triệu, hai trăm chín mươi chín ngàn, chín trăm chín mươi chín đồng) theo giấy mượn tiền ngày 01/6/2019 và giấy mượn tiền ngày 01/12/2019 giữa bà Vũ Đặng Ngọc H với bà Bùi Thị C, ghi nhận sự tự nguyện của bà H cho bà C trả nợ trong thời hạn 02 tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất 10%/năm.

2.2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Bùi Thị C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 19.715.000 đồng (mười chín triệu, bảy trăm mười lăm nghìn đồng).

Hoàn lại cho bà Vũ Đặng Ngọc H số tiền 10.200.000đ (Mười triệu hai trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí do bà H đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0038484 ngày 24/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, Thành phố H.

2.3. Về chi phí tố tụng: Bà Bùi Thị C phải chịu chi phí giám định là 600.000 đồng, bà C đã nộp đủ.

3. Án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Bùi Thị C không phải chịu án phí phúc thẩm.

Hoàn lại bà C 300.000 đồng tạm ứng án phí đã đóng theo Biên lai thu số AA/2021/0039841 ngày 13/7/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện H lập.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao tại TP. H;
- VKSND Cấp cao tại TP. H;
- VKSND TP. H;
- TAND huyện H;
- Chi cục THADS huyện H;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thủy